

TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA CÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGOẠI LỆ QUYỀN TÁC GIẢ DÀNH CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT TẠI VIỆT NAM¹

VŨ THỊ HỒNG YẾN *

Tóm tắt: Việc Việt Nam gia nhập Hiệp ước Marrakesh nhằm tạo điều kiện cho người mù, người khiếm thị và người không có khả năng đọc chữ in tiếp cận các tác phẩm đã xuất bản đã tạo ra một bước tiến quan trọng trong việc bảo đảm quyền tiếp cận tri thức và văn hoá cho người khuyết tật. Để nội luật hoá các cam kết quốc tế, các văn bản pháp luật của Việt Nam trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ đã thiết lập một hành lang pháp lý cụ thể cho các chủ thể được uỷ quyền thực hiện sao chép, chuyển đổi tác phẩm sang định dạng tiếp cận được cho người khuyết tật. Bài viết phân tích các khía cạnh của trách nhiệm pháp lý của các tổ chức này bao gồm trách nhiệm trong quá trình sao chép và chuyển đổi, trách nhiệm trong việc phân phối và quản lý các tác phẩm dành cho người khuyết tật. Bên cạnh đó, bài viết cũng làm rõ các chế tài pháp lý có thể được áp dụng đối với các tổ chức được uỷ quyền này khi có hành vi vi phạm. Qua đó, bài viết khẳng định tầm quan trọng của việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật nhằm cân bằng hài hoà giữa mục tiêu nhân đạo dành cho người khuyết tật và việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Từ khoá: Người khuyết tật; ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, Hiệp ước Marrakesh; tổ chức được phép áp dụng ngoại lệ

Nhận bài: 12/8/2025

Hoàn thành biên tập: 25/02/2026

Duyệt đăng: 25/02/2026

LEGAL LIABILITIES OF ENTITIES THAT EXERCISE EXCEPTIONS TO INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS BENEFITTING PERSONS WITH DISABILITIES IN VIETNAM

Abstract: Vietnam's accession to the Marrakesh Treaty to Facilitate Access to Published Works for Persons Who Are Blind, Visually Impaired, or Otherwise Print Disabled marks a significant milestone in ensuring the right to access knowledge and culture for persons with disabilities. To domesticate these international commitments, Vietnam's intellectual property legislation has established a specific legal framework for authorised entities to reproduce and convert works into accessible formats. This article analyses the facets of legal liability applicable to these organisations, including responsibilities during the reproduction and conversion process, as well as the distribution and management of accessible format copies. Furthermore, the article clarifies the legal sanctions that may be imposed on authorised entities in the event of non-compliance. Consequently, the study underscores the vital importance of strict legal adherence to maintain a harmonious balance between humanitarian objectives for persons with disabilities and the protection of the legitimate rights of authors and copyright holders.

Keywords: Persons with disabilities; copyright exception; Marrakesh Treaty; authorised entity

Received: 12 August 2025; Editing completed: 25 February 2026; Accepted for publication: 25 February 2026

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Sài Gòn. E-mail: vthyen@sgu.edu.vn

¹ Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học cấp Bộ “Bảo vệ người khuyết tật bằng pháp luật về quyền tác giả”, Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2025.

1. Đặt vấn đề

Sự xung đột giữa tính độc quyền của quyền tác giả và lợi ích công cộng trong việc tiếp cận các giá trị tri thức và văn hóa (quyền được học tập, nghiên cứu, quyền tiếp cận thông tin, thưởng thức các giá trị văn hoá) là một trong những vấn đề pháp lí kinh điển của pháp luật sở hữu trí tuệ (SHTT). Sự căng thẳng này trở nên đặc biệt gay gắt đối với những nhóm yếu thế trong xã hội, điển hình là người khuyết tật không có khả năng đọc chữ in, những người phải đối mặt với rào cản hệ thống trong việc tiếp cận các tác phẩm đã công bố. Sự ra đời của Hiệp ước Marrakesh đã tạo ra một bước ngoặt mang tính định chuẩn trên bình diện quốc tế, không chỉ thừa nhận “quyền được đọc” như một ưu tiên chính sách mà còn kiến tạo một chủ thể pháp lí mới: tổ chức được phép áp dụng ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả (Authorized Entity - AE), với vai trò là cầu nối để hiện thực hoá quyền này. Hiệp ước này là thỏa thuận đa phương đầu tiên thiết lập các ngoại lệ bắt buộc đối với các độc quyền của chủ sở hữu bản quyền².

Việt Nam gia nhập Hiệp ước Marrakesh và nội luật hoá các cam kết thông qua Luật SHTT sửa đổi, bổ sung năm 2022 cùng các văn bản hướng dẫn đã chính thức đưa mô hình này vào hệ thống pháp luật quốc gia. Điều này đặt ra một vấn đề pháp lí mới và cấp thiết: các AE, vốn là những chủ thể lần đầu tiên được định danh và trao đặc quyền pháp lí, sẽ phải vận hành trong một

khuôn khổ trách nhiệm như thế nào để vừa hoàn thành sứ mệnh xã hội, vừa không xâm phạm đến các quyền lợi hợp pháp của người sáng tạo? Thực tiễn cho thấy, sự thành công của toàn bộ cơ chế này phụ thuộc gần như hoàn toàn vào năng lực và sự tuân thủ của chính các tổ chức đó. Tuy nhiên, các quy định về trách nhiệm pháp lí của họ, dù đã được pháp điển hoá, vẫn còn là những cấu trúc phức tạp và chưa được kiểm nghiệm trong thực tiễn tại Việt Nam.

Bài viết này hệ thống hóa và phân tích chuyên sâu các trách nhiệm pháp lí của tổ chức được ủy quyền trong việc thực thi các ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam hiện hành. Qua đó, nghiên cứu làm rõ vai trò và nghĩa vụ đặc thù của chủ thể này trong hành lang pháp lí về tiếp cận tác phẩm dành cho người khuyết tật. Trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn quốc tế và kinh nghiệm của các quốc gia khác, bài viết sẽ làm rõ bản chất của từng nhóm nghĩa vụ, các chế tài có thể được áp dụng, từ đó nhận diện những thách thức trong quá trình thực thi và đề xuất các bài học kinh nghiệm nhằm đảm bảo cơ chế hoạt động hiệu quả nhất cho tổ chức được phép áp dụng ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, bảo đảm quyền tiếp cận tác phẩm của người khuyết tật tại Việt Nam.

2. Các học thuyết pháp lí nền tảng chi phối trách nhiệm của tổ chức được ủy quyền thực thi ngoại lệ quyền tác giả

Khung pháp lí xác định nội dung và trách nhiệm của các AE không phải là một tập hợp các quy phạm thực định đơn thuần mà được kiến tạo và hợp lí hoá bởi những học thuyết pháp lí có giá trị nền tảng trong

² Helfer, Laurence R. et al. (2017), *The World Blind Union Guide to the Marrakesh Treaty: Facilitating Access to Books for Print-Disabled Individuals*, Oxford University Press, tr. 1 - 5, 48.

khoa học pháp lí. Việc phân tích các học thuyết này cung cấp cơ sở lí luận để kiến giải bản chất của các quy định trong Hiệp ước Marrakesh và pháp luật Việt Nam, đặc biệt là sự cân bằng lợi ích giữa các chủ thể. Trong đó, có ba học thuyết pháp lí chủ đạo có ảnh hưởng chi phối và mang tính tương trợ, bao gồm: 1) Lí thuyết vị lợi về SHTT, nhằm lí giải cơ sở tồn tại của các ngoại lệ; 2) Lí thuyết công bằng xã hội, cung cấp nền tảng đạo đức cho việc ưu tiên nhóm yếu thế; 3) Lí thuyết quyền con người, đóng vai trò là khuôn khổ để dung hoà các quyền đối lập.

2.1. Lí thuyết Vị lợi về sở hữu trí tuệ (Utilitarian Theory of Intellectual Property)

Lí thuyết vị lợi, với các đại diện tiêu biểu là Jeremy Bentham và John Stuart Mill, có nguồn gốc từ triết học Anh vào thế kỉ XVIII và XIX. Khi áp dụng vào lĩnh vực SHTT, lí thuyết này đã trở thành nền tảng chủ đạo cho hệ thống pháp luật của các quốc gia theo truyền thống Thông luật (Anglo-American), điển hình là Hoa Kỳ. Hiến pháp Hoa Kỳ đã thể hiện rõ tinh thần vị lợi khi trao cho Quốc hội quyền “*thúc đẩy sự tiến bộ của khoa học và nghệ thuật hữu ích, bằng cách bảo đảm trong một thời gian nhất định cho các tác giả và nhà phát minh độc quyền đối với các tác phẩm và phát minh của họ*”³. Theo lí thuyết vị lợi, quyền tác giả không phải là một quyền tự nhiên vốn có của người sáng tạo. Thay vào đó, nó là một công cụ pháp lí, một độc quyền có thời hạn do nhà nước cấp,

được thiết kế để đạt được mục tiêu xã hội lớn hơn: khuyến khích sự sáng tạo và phổ biến tri thức vì lợi ích chung. Lí thuyết này cho rằng, nếu không có sự bảo hộ độc quyền, các tác giả sẽ thiếu động lực kinh tế để đầu tư thời gian và công sức vào việc tạo ra các tác phẩm mới, dẫn đến sự suy giảm của văn hoá và khoa học. Mục đích cốt lõi của quyền tác giả là tạo ra một sự cân bằng tối ưu: vừa đủ sự bảo hộ để khuyến khích sáng tạo nhưng không quá mức đến nỗi cản trở sự lan toả của tri thức và sự sáng tạo phát sinh trong xã hội. Nguyên lí cân bằng này là nền tảng của luật bản quyền hiện đại, được thể hiện ngay từ Hiến pháp Hoa Kỳ⁴ và được tái khẳng định trong nhiều án lệ quan trọng sau này⁵.

Lí thuyết vị lợi cung cấp cơ sở vững chắc nhất để biện minh cho sự tồn tại của các ngoại lệ và giới hạn quyền tác giả (exceptions and limitations). Hiệp ước Marrakesh và Điều 25a Luật SHTT là một ví dụ điển hình của phép tính vị lợi: lợi ích xã hội thu được từ việc hàng triệu người khuyết tật có thể tiếp cận tri thức và hoà nhập cộng đồng là vô cùng to lớn, vượt xa những thiệt hại kinh tế (nếu có) không đáng kể đối với chủ sở hữu quyền tác giả, đặc biệt khi việc sao chép và

³ OKEDIJI, Ruth L. (2018), “The Limits of International Copyright Exceptions for Developing Countries”, *Vanderbilt Journal of Entertainment & Technology Law*, tập 21, số 3, tr. 689 - 736.

⁴ U.S. Constitution, art. I, sec. 8, cl. 8, <https://www.law.cornell.edu/constitution/articlei#section8>, truy cập 02/10/2025.

⁵ Xem ví dụ tại *Sony Corp. of America v. Universal City Studios, Inc.*, 464 U.S. 417 (1984), trong đó Toà án nhấn mạnh sự cần thiết của một “sự cân bằng tinh vi” (a delicate balance) giữa lợi ích của tác giả và lợi ích của công chúng, <https://supreme.justia.com/cases/federal/us/464/417/>, truy cập 03/10/2025.

phân phối này được thực hiện trên cơ sở phi lợi nhuận. Các trách nhiệm pháp lí chặt chẽ của AE (chỉ phục vụ đúng đối tượng, không vì mục đích thương mại) chính là những điều kiện được đặt ra để đảm bảo sự cân bằng vị lợi này không bị phá vỡ.

2.2. *Lí thuyết Công bằng xã hội (Social Justice Theory)*

Lí thuyết công bằng xã hội hiện đại gắn liền với tên tuổi của nhà triết học người Mỹ John Rawls và công trình kinh điển của ông, “Một lí thuyết về công lí” (*A Theory of Justice*) xuất bản năm 1971. Rawls đề xuất một thí nghiệm tưởng tượng về “vị trí khởi nguyên” (*original position*), nơi các cá nhân lựa chọn các nguyên tắc cho xã hội mà không biết vị thế, năng lực hay hoàn cảnh của mình sau “bức màn vô tri” (*veil of ignorance*). Từ thí nghiệm đó, Rawls cho rằng các cá nhân sẽ thống nhất về hai nguyên tắc công lí cơ bản. Trong đó, nguyên tắc khác biệt (*difference principle*) cho rằng sự bất bình đẳng về kinh tế và xã hội chỉ có thể được chấp nhận nếu chúng mang lại lợi ích bù đắp cho tất cả mọi người và đặc biệt là phải mang lại lợi ích lớn nhất cho những thành viên chịu thiệt thòi nhất trong xã hội. Nói cách khác, một xã hội công bằng phải có những cơ chế chủ động để cải thiện vị thế của những người yếu thế. Nhóm chịu thiệt thòi nhất chính là những người khuyết tật không có khả năng đọc chữ in, những người phải đối mặt với “nạn đói sách” và bị loại trừ khỏi nhiều khía cạnh của đời sống văn hoá, giáo dục. Blind SA kiện Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Cạnh tranh là vụ việc về bản quyền đầu tiên được đưa ra

Toà án Hiến pháp của Nam Phi. Toà án cho phép các “thực thể được phép” (như các tổ chức phi lợi nhuận, thư viện) và chính những người thụ hưởng được tạo ra, phân phối và chia sẻ các bản sao ở định dạng dễ tiếp cận mà không cần sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền, miễn là tuân thủ các điều kiện nhất định (như hoạt động phi lợi nhuận và chỉ cung cấp cho người thụ hưởng)⁶. Hệ thống pháp luật về ngoại lệ quyền tác giả, với vai trò trung tâm của các AE có thể được xem như một cơ chế tái phân phối công bằng. Nó không phân phối lại tài sản vật chất mà là phân phối lại cơ hội tiếp cận các sản phẩm văn hoá và tri thức. Các trách nhiệm pháp lí của AE chính là các thiết chế nhằm đảm bảo cơ chế này hoạt động một cách công bằng, có kiểm soát, hướng đến đúng đối tượng yếu thế mà không tạo ra những bất công mới, hoàn toàn phù hợp với tinh thần của nguyên tắc khác biệt.

2.3. *Lí thuyết Quyền con người (Human Rights Theory)*

Lí thuyết này được thể chế hoá mạnh mẽ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, với sự ra đời của Liên hợp quốc và Tuyên ngôn Quốc tế về nhân quyền (UDHR) năm 1948. Kể từ đó, lí thuyết quyền con người tiếp tục được phát triển qua hàng loạt công ước quốc tế, trong đó có Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật năm 2006 (*Convention on the Rights of Persons with*

⁶ Neube, Caroline B. và Sanya Samtani (2023), “Copyright, Disability Rights, and the Constitution: Blind SA v Minister for Trade, Industry and Competition”, *Constitutional Court Review*, số 13.1, tr. 471 - 503.

Disabilities - CRPD) mà Việt Nam là thành viên. Lí thuyết này khẳng định rằng mọi cá nhân sinh ra đều có những quyền cơ bản, phổ quát và không thể bị tước đoạt. Điều đáng chú ý là Điều 27 của UDHR công nhận hai quyền cùng lúc: “Mọi người đều có quyền tự do tham gia vào đời sống văn hoá của cộng đồng, hưởng thụ nghệ thuật, tham gia vào tiến bộ khoa học và hưởng các lợi ích của nó” (khoản 1); “Mọi người đều có quyền được bảo vệ các quyền lợi vật chất và tinh thần phát sinh từ bất kì sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật nào mà người đó là tác giả” (khoản 2).

Quyền được tham gia vào đời sống văn hoá (khoản 1 Điều 27 UDHR) được Hiệp ước Marrakesh và CRPD (Điều 21 và Điều 30) cụ thể hoá thành quyền tiếp cận thông tin và văn hoá của người khuyết tật. Các AE là công cụ để hiện thực hoá quyền này. Quyền được bảo vệ lợi ích của tác giả (khoản 2 Điều 27 UDHR) là nền tảng của pháp luật về quyền tác giả. Do đó, hệ thống các trách nhiệm pháp lí không nhằm mục đích triệt tiêu quyền này để thực thi quyền kia. Thay vào đó, nó là một giải pháp cân bằng tinh tế: cho phép việc tiếp cận (thực thi quyền ở khoản 1) nhưng trong những điều kiện nghiêm ngặt (phi lợi nhuận, toàn vẹn tác phẩm, đúng đối tượng) để giảm thiểu tác động tiêu cực đến quyền lợi của tác giả (bảo vệ quyền ở khoản 2).

3. Nhận diện bản chất pháp lí của AE

Hiệp ước Marrakesh đã tạo ra một bộ tiêu chuẩn hài hoà cho các ngoại lệ quyền tác giả vì người khuyết tật, trong đó, khái niệm “Tổ chức được uỷ quyền” (Authorized Entity - AE) đóng vai trò trung tâm. Xét về

mặt định nghĩa pháp lí, Điều 2(c) của Hiệp ước, một AE được định nghĩa là một tổ chức được nhà nước uỷ quyền hoặc công nhận để cung cấp các dịch vụ giáo dục, đào tạo hoặc tiếp cận thông tin cho người thụ hưởng trên cơ sở phi lợi nhuận⁷. Đây là quy định mang tính khung, tạo tiền đề để các quốc gia thành viên nội luật hoá phù hợp với hệ thống hành chính sở tại.

Theo tiêu chuẩn của Hiệp ước, một AE phải đáp ứng ba tiêu chí cốt lõi. *Thứ nhất*, nó phải hoạt động phi lợi nhuận nhằm đảm bảo mục đích phục vụ cộng đồng và ngăn chặn sự xói mòn thị trường của tác phẩm gốc⁸. *Thứ hai*, nó phải được nhà nước uỷ quyền hoặc công nhận, qua đó tạo ra một cơ chế giám sát, trách nhiệm giải trình và tạo điều kiện cho hợp tác quốc tế⁹. Điểm đặc thù trong quy định của Hiệp ước là tiêu chí *thứ ba*, AE phải tự thiết lập và tuân thủ các quy trình hoạt động riêng như một cơ chế tự điều chỉnh để đảm bảo tính chuyên nghiệp, liêm chính và tạo thành một khung bảo vệ kép cùng với sự công nhận của nhà nước¹⁰.

Về mặt thực thi, các quy định tại Hiệp

⁷ World Intellectual Property Organization, Marrakesh Treaty to Facilitate Access to Published Works for Persons Who Are Blind, Visually Impaired or Otherwise Print Disabled, Article 2(c) (2013), https://www.wipo.int/edocs/lexdocs/treaties/en/marrakesh/trt_marrakesh.pdf, truy cập 02/02/2025.

⁸ Crews, Kenneth D. và Reid, Blake E. (2018), Hướng dẫn của WIPO về Hiệp ước Marrakesh, WIPO, Geneva, tr. 34 - 35, truy cập 02/10/2025.

⁹ Crews, Kenneth D. và Reid, Blake E. (2018), tldđ, tr. 25 - 27, https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_1052.pdf, truy cập 02/10/2025.

¹⁰ Crews, Kenneth D. và Reid, Blake E. (2018), tldđ, tr. 36, https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_1052.pdf, truy cập 02/10/2025.

ước yêu cầu các quy trình hoạt động này phải bao gồm các khâu nghiệp vụ trọng yếu để hiện thực hoá các yêu cầu của Hiệp ước. Cụ thể, để bảo đảm sự cân bằng giữa quyền tiếp cận và bảo hộ quyền tác giả, AE phải có quy trình để xác minh tư cách người thụ hưởng một cách đáng tin cậy¹¹; kiểm soát chặt chẽ việc phân phối các bản sao tác phẩm dưới định dạng có thể tiếp cận; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và hành chính để ngăn chặn việc sử dụng trái phép¹² và lưu trữ hồ sơ về tác phẩm cũng như người dùng một cách an toàn, tuân thủ các quy định về bảo mật dữ liệu¹³. Đây chính là những quy tắc ứng xử bắt buộc mà một AE phải tuân thủ trong không gian pháp lý quốc tế trước khi xem xét sự tương thích với từng quốc gia cụ thể.

Dù Hiệp ước Marrakesh có chủ ý không quy định cứng nhắc về các quy trình này để tạo sự linh hoạt cho các quốc gia trong việc nội luật hoá, tinh thần chung vẫn đòi hỏi các AE phải chứng minh được sự vận hành chuyên nghiệp và có trách nhiệm nhằm duy trì sự cân bằng cần thiết giữa quyền tiếp cận thông tin của người khuyết tật và quyền lợi chính đáng của tác giả¹⁴.

Pháp luật Việt Nam, thông qua khoản 3

¹¹ International Federation of Library Associations and Institutions - IFLA (2018), *Bắt đầu: Thực thi Hiệp ước Marrakesh cho người khuyết tật không có khả năng đọc chữ in - Hướng dẫn thực hành dành cho thủ thư*, IFLA, The Hague, tr. 22, <https://www.ifla.org/wp-content/uploads/2019/05/assets/clm/publications/ifla-guide-marrakesh-treaty.pdf>, truy cập 02/10/2025.

¹² IFLA, *Getting Started*, tr. 24.

¹³ IFLA, *Getting Started*, tr. 26.

¹⁴ Crews and Reid, *WIPO Guide*, tr. 25.

Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đã quy định chặt chẽ và toàn diện về AE, thể hiện sự tiếp thu đầy đủ tinh thần của Hiệp ước Marrakesh. Khi so sánh với định nghĩa tại Điều 2(c) của Hiệp ước có thể thấy sự tương đồng gần như tuyệt đối về bốn yếu tố cấu thành cốt lõi: 1) Về bản chất pháp lý, phải là cơ quan nhà nước hoặc tổ chức phi lợi nhuận; 2) Về cơ chế công nhận, phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; 3) Về mục đích hoạt động, phải hoạt động vì lợi ích của người khuyết tật trên cơ sở phi lợi nhuận và 4) Về phạm vi chuyên môn: phải cung cấp các dịch vụ giáo dục, đào tạo, đọc hoặc tiếp cận thông tin thích nghi theo phương pháp và cách thức phù hợp. Sự tương thích cao độ này không chỉ là một biểu hiện của việc tuân thủ cam kết quốc tế mà còn là minh chứng cho một lựa chọn lập pháp có chủ đích nhằm tạo ra một cơ chế vận hành hiệu quả và có kiểm soát tại Việt Nam trên cơ sở nền tảng của Hiệp ước.

Có thể thấy hai khía cạnh đặc biệt quan trọng trong hệ thống quy định của Việt Nam hiện nay. *Thứ nhất*, yêu cầu “được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận” theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đóng vai trò như một cơ chế sàng lọc và kiểm soát chất lượng đầu vào. Đây không phải là một điều kiện mang tính hình thức mà là một “chốt chặn” pháp lý nhằm đảm bảo chỉ những tổ chức có đủ năng lực, uy tín và cam kết thực sự với cộng đồng người khuyết tật mới được trao đặc quyền thực hiện ngoại lệ quyền tác giả. Điều này giúp cụ thể hóa nghĩa vụ giám sát quốc gia mà Hiệp ước Marrakesh đã đặt ra, đồng thời

đảm bảo trách nhiệm giải trình của các chủ thể này trước pháp luật Việt Nam. Thứ hai, điều kiện hoạt động “trên cơ sở phi lợi nhuận” được xác lập tại điểm a khoản 3 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP là nền tảng để cân bằng lợi ích. Nó tạo ra một ranh giới rõ ràng giữa hoạt động phục vụ xã hội và hành vi khai thác thương mại, qua đó vừa bảo vệ được quyền tiếp cận tri thức của người yếu thế đúng tôn chỉ của Hiệp ước vừa không làm phương hại một cách bất hợp lý đến quyền lợi kinh tế chính đáng của tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định chung tại Điều 25 Luật SHTT Việt Nam.

Quy định về AE trong pháp luật Việt Nam là một cấu trúc pháp lý hoàn chỉnh, được xây dựng dựa trên sự thấu hiểu sâu sắc bản chất của Hiệp ước Marrakesh. Thay vì điều chỉnh một cách chung chung, pháp luật Việt Nam (khoản 3 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP) đã quy định theo hướng liệt kê chi tiết 06 nhóm đối tượng có quyền sử dụng ngoại lệ và cụ thể nội dung của từng quyền¹⁵. Nó không chỉ đơn thuần là việc sao chép quy định quốc tế mà còn thể hiện một tư duy lập pháp rõ ràng, từ đó kiến tạo một hành lang pháp lý an toàn, minh bạch để các tổ chức xã hội có thể thực hiện sứ mệnh nhân văn của mình, đồng thời thiết lập các cơ chế kiểm soát cần thiết để bảo vệ sự toàn vẹn của hệ thống bảo hộ quyền tác giả trong bối cảnh thực thi Hiệp ước tại Việt Nam.

¹⁵ Nguyễn Thị Hằng và Phan Thị Huệ Trân (2024), “Hài hoà hoá pháp luật về ngoại lệ quyền tác giả đối với người khuyết tật nhìn tại một số quốc gia ASEAN là thành viên của Hiệp ước Marrakesh”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 12 (184), tr. 45 - 56.

4. Nội dung trách nhiệm pháp lý của AE

Trách nhiệm pháp lý của một AE là một cấu trúc đa diện, bao gồm các nghĩa vụ được xác lập không chỉ trong hoạt động nội tại mà còn trong mối tương quan với các chủ thể khác. Để làm rõ cấu trúc này, có thể phân loại trách nhiệm của AE thành ba nhóm chính: 1) Trách nhiệm đối với tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả; 2) Trách nhiệm đối với người hưởng lợi; 3) Trách nhiệm đối với cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng.

4.1. Trách nhiệm đối với tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả

Đây là nhóm trách nhiệm nền tảng nhằm bảo vệ các quyền lợi cốt lõi đã được pháp luật SHTT ghi nhận, đảm bảo rằng ngoại lệ dành cho người khuyết tật không trở thành một sự xâm phạm tùy tiện. Một điều kiện tiên quyết và bắt buộc là AE chỉ được phép áp dụng cơ chế ngoại lệ đối với những tác phẩm đã được công bố một cách hợp pháp theo quy định chung tại Điều 25 Luật SHTT. Theo đó, tổ chức phải chứng minh được quyền truy cập hợp pháp vào tác phẩm gốc hoặc bản sao của tác phẩm đã công bố trước khi tiến hành các hoạt động chuyển đổi định dạng. Việc giới hạn đối tượng trong phạm vi “tác phẩm đã công bố” không chỉ nhằm tôn trọng quyền nhân thân của tác giả trong việc quyết định thời điểm đưa tác phẩm ra công chúng mà còn là ranh giới pháp lý quan trọng để AE thực thi trách nhiệm của mình một cách minh bạch và đúng quy định. Tổ chức phải có quyền truy cập hợp pháp vào tác phẩm gốc hoặc bản sao của tác phẩm đã công bố đó trước khi tiến hành chuyển đổi¹⁶.

¹⁶ Chen, Ti-Li (2019), *Copyright Exceptions for the*

Trách nhiệm này bao gồm việc bảo đảm cả quyền nhân thân, quyền tài sản của tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả.

- Bảo đảm quyền nhân thân của tác giả

Quyền nhân thân gắn liền với danh dự và sự toàn vẹn trong hoạt động sáng tạo của tác giả. AE có nghĩa vụ pháp lí phải tôn trọng tuyệt đối các quyền này, bao gồm:

+ Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm: AE không được phép tự ý sửa chữa, cắt xén hay xuyên tạc nội dung tác phẩm. Nghĩa vụ này xuất phát từ quyền nhân thân trong Luật SHTT, vốn cho rằng tác phẩm là sự biểu đạt của chính nhân cách tác giả, do đó phải được bảo vệ khỏi sự xuyên tạc. Đây cũng là quyền nhân thân cơ bản được quy định tại Điều 19 Luật SHTT Việt Nam. Mọi sự can thiệp chỉ được phép trong giới hạn kĩ thuật cần thiết để chuyển đổi định dạng và phải đảm bảo không làm sai lệch tư tưởng của tác giả.

+ Ghi nhận quyền đứng tên tác giả: AE phải ghi nhận đầy đủ, chính xác tên tác giả và tên tác phẩm trên mọi bản sao ở định dạng có thể tiếp cận. Đây là việc thực thi quyền được đứng tên (paternity right), một quyền nhân thân không thể chuyển giao nhằm ghi nhận công sức sáng tạo và đảm bảo tính minh bạch của nguồn gốc tác phẩm.

- Bảo đảm quyền tài sản của chủ sở hữu quyền tác giả

Quyền tài sản là quyền khai thác kinh tế từ tác phẩm. Ngoại lệ dành cho người khuyết

tật phải được thực thi một cách cẩn trọng để không làm vô hiệu hoá các quyền này, bao gồm:

+ Không gây phương hại đến khai thác thương mại: Nguyên tắc tiên quyết là hoạt động của AE không được gây ảnh hưởng một cách bất hợp lí đến việc khai thác bình thường của tác phẩm và không gây tổn hại đến quyền lợi hợp pháp của chủ sở hữu quyền tác giả. Nguyên tắc này phản ánh “phép thử ba bước” (three-step test) của Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật (Berne Convention for the Protection of Literary and Artistic Works - gọi tắt là Công ước Berne) năm 1886¹⁷, một tiêu chuẩn quốc tế nền tảng cho mọi giới hạn và ngoại lệ của quyền tác giả¹⁸. Cơ chế thực thi quan trọng nhất cho nguyên tắc này là yêu cầu hoạt động sử dụng tác phẩm phải trên cơ sở phi lợi nhuận, tạo ra một không gian hoạt động nhân đạo tách biệt hoàn toàn với thị trường thương mại. Trong đó, việc không gây ảnh hưởng bất hợp lí đến khai thác bình thường được hiểu là hoạt động của AE không được thay thế cho các kênh tiêu thụ thương mại thông thường của tác phẩm. Nếu một tác phẩm đã có sẵn các bản sao dễ tiếp cận trên thị trường với mức giá hợp lí,

Visually Impaired: WIPO's Treaty to Facilitate Access to Published Works for the Visually Impaired, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Queen Mary, London, https://qmro.qmul.ac.uk/xmlui/bitstream/handle/123456789/61312/CHEN_Ti_Li_Final_MP_hil_291019.pdf?sequence=2, truy cập 02/10/2025.

¹⁷ Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật (tiếng Anh: *Berne Convention for the Protection of Literary and Artistic Works*) được thông qua lần đầu tiên vào ngày 09/9/1886 tại Berne, Thụy Sĩ.

¹⁸ Geiger, Christophe et al. (2010), “Declaration on a Balanced Interpretation of the ‘Three-Step Test’ in Copyright Law”, *Journal of Intellectual Property, Information Technology and E-Commerce Law*, Vol. 1, Issue 2, tr. 119 - 122.

việc AE tiếp tục nhân bản có thể bị coi là can thiệp vào thị trường tiềm năng của tác giả. Ngược lại, việc không gây tổn hại đến quyền lợi hợp pháp của chủ sở hữu yêu cầu AE phải duy trì sự cân bằng giữa mục tiêu nhân đạo và lợi ích kinh tế. Sự tổn hại chỉ được coi là “hợp lý” khi nó nằm trong phạm vi tác động tối thiểu, không làm mất đi nguồn thu nhập chính của tác giả từ các phân khúc thị trường truyền thống. Cơ chế thực thi quan trọng nhất cho nguyên tắc này là yêu cầu hoạt động sử dụng tác phẩm phải trên cơ sở phi lợi nhuận, tạo ra một không gian hoạt động nhân đạo tách biệt hoàn toàn với thị trường thương mại. Nguyên tắc này đặt ra một bộ tiêu chí chặt chẽ để một hành vi sử dụng tác phẩm được xem là ngoại lệ hợp pháp, không xâm phạm quyền của chủ sở hữu. Nền tảng của nó được thiết lập lần đầu tiên tại Điều 9(2) của Công ước Bern, sau đó được tái khẳng định và mở rộng trong Điều 13 của Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT (Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights - Hiệp định TRIPS) của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Tại Việt Nam, nguyên tắc này đã được nội luật hoá một cách rõ ràng tại khoản 2 Điều 25 Luật SHTT, quy định rằng các trường hợp ngoại lệ không được “*gây ảnh hưởng một cách bất hợp lý đến việc khai thác thường kì của tác phẩm, gây phương hại đến các quyền hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả*”. Bước đầu tiên yêu cầu hành vi sử dụng phải thuộc một “trường hợp đặc biệt”, tức là phải được pháp luật quy định cụ thể và có phạm vi hẹp, chẳng hạn như tự sao

chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học cá nhân hoặc trích dẫn tác phẩm để bình luận. Điều này ngăn chặn việc diễn giải các ngoại lệ một cách tùy tiện và quá rộng. Bước thứ hai là kiểm tra xem hành vi đó có “gây ảnh hưởng một cách bất hợp lý đến việc khai thác bình thường tác phẩm” hay không. Đây là một bước kiểm tra trực tiếp về mặt kinh tế. “Khai thác bình thường” chính là những kênh thị trường mà tác giả và chủ sở hữu thường dùng để tạo ra doanh thu như bán sách, cấp phép chiếu phim hay phân phối âm nhạc. Một hành vi sẽ bị xem là bất hợp lý nếu nó cạnh tranh trực tiếp và thay thế nhu cầu của công chúng đối với sản phẩm gốc. Ví dụ, trong trường hợp AE phân phối bản sao xuyên biên giới sang các quốc gia mà ở đó tác phẩm đang là “best-seller”, nếu AE không kiểm soát chặt chẽ đối tượng thụ hưởng, dẫn đến việc bản sao dễ tiếp cận bị phát tán ra thị trường đại chúng thì đây chính là sự tổn hại bất hợp lý. Ngược lại, nếu AE chỉ phục vụ một nhóm nhỏ người khuyết tật không thể mua sách do rào cản vật lý/tài chính, thì sự sụt giảm doanh thu (nếu có) được coi là “hợp lý” để đổi lấy quyền hưởng thụ văn hóa của người khuyết tật. Bước thứ ba và cũng là bước có phạm vi rộng nhất là đánh giá liệu hành vi có “gây tổn hại bất hợp lý đến quyền lợi hợp pháp của chủ sở hữu” hay không. “Quyền lợi hợp pháp” ở đây không chỉ bao gồm lợi ích kinh tế hiện tại mà còn cả các thị trường tiềm năng trong tương lai và các quyền nhân thân gắn với tác phẩm. Ngay cả khi một hành vi không cạnh tranh trực tiếp, nó vẫn có thể bị coi là bất hợp pháp vì nếu được nhân rộng, nó sẽ gây

ra thiệt hại kinh tế đáng kể trên tổng thể. Chẳng hạn, việc một cá nhân đăng tải một bộ phim vừa ra mắt lên mạng Internet cho hàng triệu người xem miễn phí, dù không bán cũng đã gây ra tổn hại khổng lồ, phá huỷ thị trường thương mại và lợi ích hợp pháp của nhà sản xuất. Mục đích tối thượng của nguyên tắc 3 bước là duy trì sự cân bằng cần thiết: vừa đủ sự bảo hộ để khuyến khích hoạt động sáng tạo nhưng không quá mức đến nỗi cản trở sự tự do tiếp cận, học hỏi và lan toả tri thức trong toàn xã hội.

+ Tôn trọng nguồn tác phẩm hợp pháp: AE có nghĩa vụ phải sử dụng một bản sao hợp pháp của tác phẩm để làm nguyên liệu cho quá trình chuyển đổi. Quy định này nhằm ngăn chặn việc ngoại lệ trở thành một công cụ để hợp pháp hoá các sản phẩm vi phạm bản quyền, qua đó tôn trọng quyền phân phối lần đầu của chủ sở hữu¹⁹.

4.2. Trách nhiệm đối với người hưởng lợi

Đây là nhóm trách nhiệm thể hiện mục tiêu cuối cùng của cơ chế: mang lại lợi ích thực chất cho cộng đồng người khuyết tật, bao gồm:

- Đảm bảo chất lượng và khả năng tiếp cận: AE có nghĩa vụ tạo ra các bản sao ở định dạng có thể tiếp cận với chất lượng tốt, đảm bảo người hưởng lợi có thể sử dụng một cách hiệu quả. Một cuốn sách in sai chữ nổi

hay một bản sách nói có âm thanh kém chất lượng sẽ không đạt được mục tiêu đề ra. Vai trò ngày càng tăng của trí tuệ nhân tạo và học máy trong việc tự động hoá quá trình tạo ra các định dạng dễ tiếp cận trên quy mô lớn, giúp các AE khắc phục những hạn chế về chi phí và lao động của việc chuyển đổi thủ công²⁰.

- Xác minh và phân phối đúng đối tượng: Để đảm bảo lợi ích đến đúng người cần, AE phải có các biện pháp hợp lý để xác minh tư cách của người hưởng lợi. Đây là trách nhiệm “gác cổng” (gatekeeping role), vừa đảm bảo hiệu quả của chính sách, vừa ngăn chặn sự rò rỉ của các bản sao ra ngoài cộng đồng, qua đó bảo vệ lợi ích của chủ sở hữu quyền tác giả và sự toàn vẹn của chính hệ thống ngoại lệ.

4.3. Trách nhiệm tuân thủ và nghĩa vụ giải trình của tổ chức được ủy quyền

AE hoạt động như một đối tác được Nhà nước và xã hội ủy thác thực thi các ngoại lệ bản quyền vì lợi ích công cộng, do đó phải chịu trách nhiệm về tính tuân thủ và trách nhiệm giải trình. Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết các trách nhiệm pháp lý đối với AE, trong đó khoản 5 thiết lập một cơ chế kiểm soát đa tầng và minh bạch hóa thông qua các nhóm nghĩa vụ sau:

Thứ nhất, nghĩa vụ bảo đảm tính chuẩn mực kỹ thuật và pháp lý của bản sao. Theo

¹⁹ Chu Vân Khánh (2017), “Dịch vụ thông tin thư viện dành cho người khiếm thị tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp”, *Ki yếu Hội thảo khoa học: Dịch vụ thư viện - thông tin cho người khuyết tật: Từ chính sách đến thực tiễn*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Hiệp hội Thư viện Việt Nam và các đơn vị khác tổ chức tại Hà Nội, ngày 19/4/2017.

²⁰ Ncube, Caroline B., Blake E. Reid, và Desmond O. Oriakogba (2020), “Beyond the Marrakesh VIP Treaty: Typology of copyright access-enabling provisions for persons with disabilities”, *The Journal of World Intellectual Property*, số 23.3-4, tr. 149 - 165.

điểm a khoản 5 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP, AE phải bảo đảm các bản sao dưới định dạng dễ tiếp cận đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 25a Luật SHTT. Đây là trách nhiệm nền tảng nhằm xác định ranh giới giữa việc áp dụng ngoại lệ hợp pháp và hành vi xâm phạm, bảo đảm chất lượng tài nguyên tri thức đặc thù cho người khuyết tật.

Thứ hai, nghĩa vụ minh bạch hóa thông tin thông qua cơ chế thông báo và công khai (điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP). Đây là công cụ thực hiện trách nhiệm giải trình theo cả chiều dọc và chiều ngang: 1) Trách nhiệm giải trình theo chiều dọc: Nghĩa vụ thông báo danh mục tác phẩm đã chuyển đổi cho Cục Bản quyền tác giả là công cụ quản lý hành chính thiết yếu. Việc tập trung hóa thông tin giúp Nhà nước xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, điều phối nguồn lực tránh lãng phí và lãng phí ngân sách do chuyển đổi trùng lặp. Đồng thời, danh mục này có giá trị như chứng cứ pháp lý bảo vệ AE trong các tranh chấp tiềm tàng; 2) Trách nhiệm giải trình theo chiều ngang: Việc công khai danh mục trên website tổ chức hướng tới ba mục tiêu: Hỗ trợ người khuyết tật tra cứu tài nguyên dễ dàng; tạo kênh giám sát cho chủ sở hữu quyền kiểm chứng việc sử dụng phi lợi nhuận; thúc đẩy mạng lưới AE chia sẻ, trao đổi bản sao xuyên biên giới theo tinh thần Hiệp ước Marrakesh.

Thứ ba, nghĩa vụ bảo vệ quyền riêng tư (điểm c khoản 5 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP). AE phải bảo đảm tôn trọng quyền riêng tư của người khuyết tật

trên cơ sở bình đẳng. Đây là trách nhiệm nhân văn, bảo đảm dữ liệu cá nhân của người hưởng lợi không bị lạm dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người.

Thứ tư, nghĩa vụ báo cáo hằng năm và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước (điểm d khoản 5 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP). Việc định kỳ báo cáo cho Cục Bản quyền tác giả và chịu sự thanh tra, kiểm tra là mắt xích cuối cùng trong vòng lặp minh bạch. Cơ chế này đảm bảo mọi hoạt động của AE luôn vận hành trong khuôn khổ pháp luật, cho phép cơ quan quản lý đánh giá hiệu quả thực thi chính sách và kịp thời chấn chỉnh các sai sót.

Sự tổng hòa của các nghĩa vụ tại khoản 5 Điều 30 tạo nên hệ thống quản lý chặt chẽ, đảm bảo rằng các đặc quyền mà AE được hưởng luôn song hành với nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi chính đáng của người sáng tạo và lợi ích chung của cộng đồng.

5. Các chế tài pháp lý khi có hành vi vi phạm của AE

Để đảm bảo các ngoại lệ quyền tác giả được thực thi đúng mục đích nhân đạo và không bị lạm dụng, pháp luật Việt Nam đã xây dựng một cơ chế chế tài đa tầng, chặt chẽ. Khi một AE không tuân thủ các trách nhiệm pháp lý của mình, họ sẽ phải đối mặt với ba nhóm hậu quả pháp lý chính: chế tài hành chính, trách nhiệm dân sự và chế tài về tư cách pháp lý.

- Chế tài hành chính

Đây là biện pháp can thiệp trực tiếp từ cơ quan nhà nước, có tính răn đe và xử lý nhanh chóng các hành vi vi phạm. Chế tài

hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả chủ yếu được quy định tại Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 28/2017/NĐ-CP và Nghị định số 129/2021/NĐ-CP; sau đây gọi tắt là Nghị định số 131/2013/NĐ-CP). Hoạt động của AE chỉ được xem là hợp pháp khi tuân thủ nghiêm ngặt các điều kiện trong ngoại lệ. Ngay khi AE bước ra khỏi những giới hạn đó, hành vi của họ sẽ bị xem là hành vi xâm phạm quyền tác giả. Việc phân phối bản sao cho người không khuyết tật hoặc bán các bản sao đó vì mục đích thương mại sẽ bị coi là hành vi “sao chép tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả” (theo Điều 18 Nghị định số 131/2013/NĐ-CP) hoặc “phân phối tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả” (theo Điều 15 Nghị định số 131/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 28/2017/NĐ-CP). Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, AE có thể bị phạt tiền và phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả như: buộc tiêu hủy tang vật vi phạm; buộc dỡ bỏ bản sao tác phẩm vi phạm dưới hình thức điện tử, trên môi trường mạng và kỹ thuật số (theo điểm a, b khoản 2 Điều 3) hoặc buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được từ việc thực hiện hành vi vi phạm (theo điểm đ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 131/2013/NĐ-CP, được hợp nhất tại Văn bản số 380/VBHN-BVHTTDL). Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm của AE thuộc về Cục trưởng Cục Bản quyền tác giả, lực lượng

quản lý thị trường, ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao²¹, quản lý thị trường hoặc ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Ví dụ: một AE đã thực hiện chuyển đổi 50 đầu sách bán chạy sang định dạng sách nói. Do khó khăn về kinh phí, quản lý của tổ chức đã quyết định: tạo một tài khoản thu phí trên một nền tảng podcast để bán các bản sách nói này cho bất kỳ ai trả tiền, không cần xác minh người khuyết tật; trích một phần lợi nhuận để duy trì hoạt động. Một nhà xuất bản phát hiện tác phẩm của mình bị bán trên nền tảng này và đã tiến hành các thủ tục pháp lý để bảo vệ quyền lợi của mình.

- Trách nhiệm dân sự

Đây là cơ chế bảo vệ trực tiếp quyền lợi vật chất và tinh thần của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, do chính họ khởi xướng. Bộ luật Dân sự năm 2015 (đặc biệt là các quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại Chương XX) và Luật SHTT (từ Điều 202 đến Điều 205 về bảo vệ quyền SHTT bằng biện pháp dân sự). Khi hành vi vi phạm của AE gây ra thiệt hại, chủ sở hữu quyền tác giả có quyền khởi kiện ra tòa án để yêu cầu bồi thường. Bồi thường thiệt hại về vật chất bao gồm các tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại. Ví dụ, nếu một AE làm rò rỉ một bản

²¹ Thẩm quyền xử phạt được xác định dựa trên quy định tại Chương VI Văn bản hợp nhất số 380/VBHN-BVHTTDL và được cập nhật theo tinh thần của Luật Thanh tra năm 2022, theo đó chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực quyền tác giả hiện nay được tập trung thực hiện bởi cơ quan quản lý chuyên ngành là Cục Bản quyền tác giả.

sách nói ra thị trường thương mại trước khi nhà xuất bản phát hành phiên bản chính thức, nhà xuất bản có thể yêu cầu bồi thường khoản lợi nhuận bị mất đi. Việc xác định thiệt hại có thể dựa trên các căn cứ do Luật SHTT quy định, chẳng hạn như tổng thiệt hại vật chất hoặc giá chuyển giao quyền sử dụng tác phẩm (Điều 205 Luật SHTT). Trong trường hợp hành vi vi phạm xâm phạm đến quyền nhân thân (ví dụ: xuyên tạc tác phẩm làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của tác giả), tác giả có quyền yêu cầu toà án buộc AE xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất tinh thần. Bên cạnh đó, tùy theo tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi, chủ thể vi phạm còn có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi đó có đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật hình sự.

Để xác định phạm vi trách nhiệm hình sự của AE tại Việt Nam, cần phân tích sâu sắc dựa trên hai cơ sở pháp lý trụ cột: quy định về chủ thể của tội phạm trong Bộ luật Hình sự và bản chất pháp lí của AE theo pháp luật chuyên ngành. Một trong những bước tiến quan trọng của Bộ luật Hình sự năm 2015 là việc lần đầu tiên ghi nhận trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Tuy nhiên, nhà làm luật đã tiếp cận vấn đề này một cách thận trọng, khoanh vùng đối tượng chịu trách nhiệm một cách có chủ đích. Cụ thể, Điều 76 Bộ luật Hình sự quy định rõ ràng chỉ có “pháp nhân thương mại” mới có thể trở thành chủ thể của tội phạm với tư cách là một tổ chức. Sự lựa chọn thuật ngữ này không phải là ngẫu nhiên, nó thể hiện ý chí của nhà làm luật

trong việc chỉ nhắm vào các thực thể có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận. Lập luận đằng sau chính sách hình sự này là các pháp nhân thương mại, với động cơ tối đa hoá lợi nhuận, có thể có xu hướng thực hiện các hành vi nguy hiểm cho xã hội như trốn thuế, gây ô nhiễm môi trường hoặc sản xuất hàng giả. Do đó, việc giới hạn chủ thể chịu trách nhiệm hình sự trong phạm vi các pháp nhân thương mại là một quyết định lập pháp rõ ràng và theo nguyên tắc suy đoán vô tội, các loại hình pháp nhân khác không được liệt kê, bao gồm cả các tổ chức phi lợi nhuận, mặc nhiên được loại trừ. Đối chiếu với quy định trên, bản chất pháp lí của một AE theo pháp luật Việt Nam hoàn toàn nằm ngoài phạm vi điều chỉnh này. Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP, văn bản hướng dẫn Luật SHTT đã định nghĩa một cách rõ ràng rằng AE phải là “một cơ quan chính phủ hoặc tổ chức phi lợi nhuận”. Điều kiện này khẳng định mục đích hoạt động của AE không phải là lợi nhuận mà là phục vụ lợi ích xã hội, cụ thể là đảm bảo quyền tiếp cận thông tin và tri thức cho người khuyết tật. Về bản chất, một tổ chức phi lợi nhuận và một pháp nhân thương mại là hai phạm trù pháp lí xung khắc và không thể đồng nhất; một tổ chức không thể vừa hoạt động vì lợi nhuận lại vừa là một thực thể phi lợi nhuận. Sự khác biệt về mục đích và bản chất này tạo ra một ranh giới pháp lí không thể vượt qua. Do AE không đáp ứng được dấu hiệu về chủ thể của tội phạm đối với pháp nhân, nó không thể là đối tượng của một cuộc điều tra hay truy tố hình sự với tư cách là một tổ chức. Tuy nhiên, sự miễn trừ này chỉ áp dụng cho tư

cách pháp nhân. Nó không phải là một tấm khiên bảo vệ cho các cá nhân trong tổ chức đó. Nếu giám đốc hoặc nhân viên của AE lợi dụng danh nghĩa và nguồn lực của tổ chức để thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích cá nhân, chẳng hạn như sao chép tác phẩm để bán ra thị trường nhằm thu lợi bất chính, họ vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự với tư cách cá nhân theo các quy định tương ứng của Bộ luật Hình sự.

- Chế tài về tư cách pháp lí

Đây là chế tài nghiêm khắc nhất, đánh trực tiếp vào khả năng hoạt động của AE theo ngoại lệ Marrakesh. Mặc dù Nghị định số 17/2023/NĐ-CP không quy định một điều khoản riêng về việc thu hồi nhưng việc công nhận tư cách AE là một quyết định hành chính. Theo nguyên tắc của Luật Xử lí vi phạm hành chính, khi một tổ chức không còn đáp ứng các điều kiện để được công nhận hoặc vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ, cơ quan đã ra quyết định công nhận có quyền thu hồi quyết định đó. Việc bị tước bỏ tư cách “AE” đồng nghĩa với việc AE mất đi “giấy phép” để thực hiện ngoại lệ quyền tác giả. Mọi hoạt động sao chép, chuyển đổi tác phẩm sau đó của họ sẽ mặc nhiên bị xem là hành vi xâm phạm quyền tác giả và sẽ bị xử lí bằng các chế tài hành chính và dân sự như đã nêu. Chế tài này có thể được áp dụng trong trường hợp vi phạm có hệ thống, tái phạm nhiều lần hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, cho thấy AE không còn xứng đáng với sự tin tưởng của nhà nước và xã hội.

Có thể thấy hệ thống chế tài đa tầng này tạo ra một cơ chế giám sát và thực thi pháp

luật chặt chẽ. Nó không chỉ bảo vệ quyền lợi chính đáng của tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả mà còn đảm bảo sự toàn vẹn và uy tín của chính sách nhân đạo mà Hiệp ước Marrakesh và pháp luật Việt Nam hướng tới.

6. Pháp luật về trách nhiệm pháp lí của AE tại Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu, bài học cho Việt Nam trong hoàn thiện pháp luật

Pháp luật Hoa Kỳ sử dụng một mô hình “hỗn hợp/lai” (mixed/hybrid approach), kết hợp giữa một ngoại lệ cụ thể và một học thuyết pháp lí chung, tạo ra sự linh hoạt cao cho các AE²². Nền tảng pháp lí là Điều 121 và 121A của Luật Bản quyền, được giới thiệu lần đầu qua Tu chính án Chafee năm 1996 và sau đó được cập nhật bởi Đạo luật Thực thi Hiệp ước Marrakesh năm 2018. Điều luật này cho phép các AE (như thư viện và tổ chức học thuật) tạo và phân phối các bản sao để tiếp cận của các tác phẩm văn học phi kịch cho người mù hoặc người khuyết tật khác mà không cần trả thù lao cho chủ sở hữu bản quyền²³. Ngoài ngoại lệ cụ thể, hệ thống pháp luật Hoa Kỳ còn dựa trên học thuyết “Sử dụng hợp lí” tại Điều 107 của Luật Bản quyền. Các toà án Hoa Kỳ đã xác

²² Ncube, Caroline B., Blake E. Reid, và Desmond O. Oriakhogba (2020), “Beyond the Marrakesh VIP Treaty: Typology of copyright access-enabling provisions for persons with disabilities”, *The Journal of World Intellectual Property*, số 23.3-4, tr. 149 - 165.

²³ Helfer, Laurence R., Land, Molly K. và Okediji, Ruth L. (2020), “Copyright Exceptions Across Borders: Implementing the Marrakesh Treaty”, *European Intellectual Property Review*, Vol. 42, tr. 333, https://eifl.net/sites/default/files/resources/copyright_exceptions_across_borders_implementing_the_m_t.pdf, truy cập 11/8/2025.

nhận rằng học thuyết này cho phép việc tạo ra các bản sao định dạng để tiếp cận cho người khuyết tật về thị giác. Trong vụ kiện Authors Guild v. HathiTrust, toà án đã phán quyết rằng việc cấp cho người khuyết tật về chữ in quyền truy cập vào các bản sao kỹ thuật số của bộ sưu tập sách trong các trường đại học là một hành vi sử dụng hợp lí. Điều này tạo ra một “lớp bảo vệ” pháp lí thứ hai, cho phép các hoạt động không được nêu rõ trong Điều 121 vẫn có thể được coi là hợp pháp nếu đáp ứng các tiêu chí của học thuyết này. Các AE tại Hoa Kỳ có trách nhiệm đảm bảo hoạt động của mình tuân thủ các điều kiện trong Tu chính án Chafee hoặc các yếu tố của học thuyết Sử dụng hợp lí. Đạo luật Thực thi Hiệp ước Marrakesh đã mở rộng và làm rõ các quy định này để phù hợp với hiệp ước, nhưng không áp đặt yêu cầu kiểm tra “sẵn có trên thị trường”²⁴.

- Liên minh châu Âu áp dụng một cách tiếp cận có tính hệ thống và hài hoà hoá cao độ để đảm bảo việc thực thi Hiệp ước Marrakesh một cách đồng bộ trên toàn bộ các quốc gia thành viên (tại thời điểm phê chuẩn). Bộ đôi công cụ pháp lí Liên minh châu Âu thực thi hiệp ước thông qua hai văn bản pháp lí: 1) Chỉ thị số 2017/1564 của Liên minh châu Âu: Yêu cầu các quốc gia thành viên phải đưa một ngoại lệ cụ thể vào luật pháp quốc gia của mình, hài hoà hoá các quy định trong toàn khối; 2) Quy định số 2017/1563 của Liên minh châu Âu: Áp dụng trực tiếp để quản lí việc trao đổi các bản sao

để tiếp cận giữa các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu và với các quốc gia ngoài Liên minh châu Âu đã tham gia Hiệp ước.

Chỉ thị của Liên minh châu Âu bắt buộc các quốc gia thành viên phải áp dụng một ngoại lệ rõ ràng đối với các quyền sao chép, truyền đạt, cung cấp, phân phối và cho mượn. Đặc biệt, Chỉ thị cấm các quốc gia thành viên áp đặt các điều kiện bổ sung đối với việc thực hiện ngoại lệ, bao gồm cả việc kiểm tra “sẵn có trên thị trường”. Điều này nhằm giảm bớt gánh nặng hành chính và pháp lí cho các AE. Mặc dù Chỉ thị cho phép các quốc gia thành viên có thể yêu cầu AE bồi thường cho chủ sở hữu bản quyền, nó đã hạn chế đáng kể quyền tùy ý này. Mức thù lao phải xem xét đến nhiều yếu tố như lợi ích công cộng, tính chất phi lợi nhuận của AE và mức độ thiệt hại cho chủ sở hữu bản quyền (nếu thiệt hại không đáng kể thì không cần bồi thường)²⁵.

Từ kinh nghiệm của Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu, Việt Nam có thể tham khảo những nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, một trong những giải pháp cấp bách nhằm tối ưu hoá nguồn lực xã hội là việc thiết lập và vận hành một cổng tra cứu dữ liệu quốc gia về các bản sao định dạng tiếp cận. Quy định hiện hành tại điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đang buộc các tổ chức được uỷ quyền phải tự công khai danh mục trên trang thông tin điện tử riêng lẻ, điều này vô tình tạo ra một hệ thống dữ liệu phân tán, khiến người

²⁴ Helfer, Laurence R., Land, Molly K. và Okediji, Ruth L. (2020), tldđ, tr. 332 - 341.

²⁵ Helfer, Laurence R., Land, Molly K. và Okediji, Ruth L. (2020), tldđ, tr. 338.

khuyết tật khó tiếp cận và các tổ chức khác dễ gây lãng phí do chuyển đổi trùng lặp cùng một tác phẩm. Cơ sở của kiến nghị này xuất phát từ bài học kinh nghiệm của Liên minh châu Âu trong việc hài hoà hoá kho dữ liệu dùng chung, qua đó luật hoá trách nhiệm của AE không chỉ dừng lại ở việc công khai đơn lẻ mà phải chịu trách nhiệm cập nhật đồng bộ siêu dữ liệu lên cổng thông tin chung do Cục Bản quyền tác giả quản lí.

Thứ hai, để đảm bảo tính minh bạch và ngăn ngừa nguy cơ lạm dụng ngoại lệ, pháp luật cần chuẩn hoá và chi tiết hoá các tiêu chí định tính trong quy trình công nhận tổ chức được uỷ quyền. Thay vì chỉ quy định chung về trình tự thủ tục tại khoản 4 Điều 30, Nghị định cần bổ sung các tiêu chuẩn cụ thể về năng lực hạ tầng kĩ thuật, quy trình bảo mật dữ liệu và cơ chế xác minh tư cách người thụ hưởng của từng đơn vị đăng kí. Việc cụ thể hoá các rào cản kĩ thuật này là lí do cần thiết để bảo vệ quyền lợi chính đáng của chủ sở hữu tác phẩm, đồng thời giúp cơ quan nhà nước có căn cứ pháp lí rõ ràng để sàng lọc các tổ chức có đủ uy tín, tránh việc công nhận tràn trãi các đơn vị không đủ năng lực thực hiện trách nhiệm giải trình.

Thứ ba, giải pháp then chốt để củng cố lòng tin giữa các chủ thể giữ quyền và cộng đồng người khuyết tật là việc thể chế hoá một cơ chế giám sát định kì thông qua Diễn đàn thường niên về thực thi Hiệp ước Marrakesh. Tác giả kiến nghị bổ sung vào Nghị định hướng dẫn thi hành Luật SHTT quy định về nghĩa vụ tham gia và báo cáo bắt buộc của các AE tại diễn đàn này như một điều kiện bắt buộc để duy trì tư cách

pháp lí. Tại đây, mỗi AE có trách nhiệm trình bày báo cáo minh bạch về số lượng tác phẩm đã chuyển đổi, các biện pháp kĩ thuật ngăn chặn phổ biến trái phép tác phẩm và quy trình nghiệp vụ đã áp dụng. Lí do của kiến nghị này là biến trách nhiệm giải trình từ một nguyên tắc trừu tượng thành một nghĩa vụ pháp lí cụ thể, có thể đo lường và giám sát bởi cả cơ quan quản lí và các bên giữ quyền, qua đó tạo dựng một hành lang an toàn cho hoạt động nhân đạo trong kĩ nguyên số.

Thứ tư, để đảm bảo pháp luật luôn đi song hành với sự biến động của thực tiễn, cần thiết lập một cơ chế linh hoạt trong việc rà soát và cập nhật danh mục các nhóm tổ chức được uỷ quyền. Hiện nay, Nghị định định danh sẵn 06 nhóm AE nhưng trong tương lai có thể xuất hiện các loại hình tổ chức xã hội mới hoặc các doanh nghiệp xã hội có khả năng thực hiện tốt vai trò này. Việc bổ sung quy định cho phép cơ quan có thẩm quyền rà soát định kì danh sách này sẽ đảm bảo tính thích ứng cao của pháp luật Việt Nam, tạo điều kiện cho các tổ chức mới có năng lực tham gia vào mạng lưới hỗ trợ người khuyết tật mà không bị giới hạn bởi các liệt kê cứng nhắc trong văn bản cũ.

7. Kết luận

Việc pháp luật hoá trách nhiệm của các AE là một bước đi cần thiết, thể hiện sự hài hoà giữa việc bảo hộ SHTT và bảo đảm quyền con người. Khung pháp lí tại Việt Nam, với Luật SHTT năm 2022 và Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đã tương đối đầy đủ và tiệm cận với chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, thách thức trong việc cân bằng lợi ích

các bên vẫn luôn hiện hữu, không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới. Để các quy định thực sự đi vào cuộc sống, đòi hỏi các AE phải nhận thức sâu sắc và thực thi một cách nghiêm túc các trách nhiệm pháp lí của mình. Sự cẩn trọng, minh bạch và tinh thần thượng tôn pháp luật trong từng khâu chính là chìa khoá để bảo vệ hoạt động nhân đạo này khỏi những rủi ro pháp lí, đồng thời xây dựng lòng tin với các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và toàn xã hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chen, Ti-Li (2019), *Copyright Exceptions for the Visually Impaired: WIPO's Treaty to Facilitate Access to Published Works for the Visually Impaired*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Queen Mary, London.
2. Chu Vân Khánh (2017), “Dịch vụ thông tin thư viện dành cho người khiếm thị tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Dịch vụ thư viện - thông tin cho người khuyết tật: Từ chính sách đến thực tiễn*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Hiệp hội Thư viện Việt Nam và các đơn vị khác tổ chức tại Hà Nội, ngày 19/4/2017.
3. Crews, Kenneth D. và Reid, Blake E. (2018), *Hướng dẫn của WIPO về Hiệp ước Marrakesh*, WIPO, Geneva.
4. Geiger, Christophe et al. (2010), “Declaration on a Balanced Interpretation of the ‘Three-Step Test’ in Copyright Law”, *Journal of Intellectual Property, Information Technology and E-Commerce Law*, Vol. 1, Issue 2.
5. Helfer, Laurence R. et al. (2017), *The World Blind Union Guide to the Marrakesh Treaty: Facilitating Access to Books for Print-Disabled Individuals*, Oxford University Press, Oxford.
6. Helfer, Laurence R., Land, Molly K. và Okediji, Ruth L. (2020), “Copyright Exceptions Across Borders: Implementing the Marrakesh Treaty”, *European Intellectual Property Review*, Vol. 42.
7. International Federation of Library Associations and Institutions - IFLA (2018), *Bắt đầu: Thực thi Hiệp ước Marrakesh cho người khuyết tật không có khả năng đọc chữ in - Hướng dẫn thực hành dành cho thủ thư*, IFLA, The Hague.
8. Ncube, Caroline B. và Sanya Samtani (2023), “Copyright, Disability Rights, and the Constitution: Blind SA v Minister for Trade, Industry and Competition”, *Constitutional Court Review*, số 13.1.
9. Ncube, Caroline B., Blake E. Reid, và Desmond O. Oriakhogba (2020), “Beyond the Marrakesh VIP Treaty: Typology of copyright access-enabling provisions for persons with disabilities”, *The Journal of World Intellectual Property*, số 23.3-4.
10. Nguyễn Thị Hằng và Phan Thị Huế Trân (2024), “Hài hoà hoá pháp luật về ngoại lệ quyền tác giả đối với người khuyết tật nhìn tại một số quốc gia ASEAN là thành viên của Hiệp ước Marrakesh”, *Tạp chí Khoa học pháp lí Việt Nam*, số 12 (184).
11. Okediji, Ruth L. (2018), “The Limits of International Copyright Exceptions for Developing Countries”, *Vanderbilt Journal of Entertainment & Technology Law*, tập 21, số 3.